

Incoterms® 2020 từ góc nhìn bóng đá: Kỳ 1 - Những sai sót thường gặp

Midterm: Mostly Incoterms 2020

Midterm will be a report/presentation (group exercise **doing contract and present**)
(chọn topic cho hợp đồng)

- ▶ Attendance: 10% (students have to attend at least 75% of the total class)
- ▶ Mid term: 30% (test/ report)
- ▶ Final: 60% (MQC+ writing)

Mode of transaction means the method through which a transaction is conducted
No unified classification (unlike trade in

services) Direct vs. indirect transactions

Ordinary vs. special transactions

Commercial Law 2005, commercial activities include:

- Sales of goods
- **Provisions of services**
- **Trade promotion**

Commercial intermediary activities

Other specific commercial activities:
processing, auction, bidding, **franchising, logistics...**

Trade promotion: discount program,...

OVERVIEW ON MODES OF INTERNATIONAL TRADE TRANSACTIONS

- International sales of goods:
 - Direct import/export
 - Re-exportatio
 - n
 - **Countertrade**
 - Import and export through commercial
- intermediaries Import and export through
 - commodity exchanges Other modes of transaction:
 - International processing
 - International

Vuong Thi Bich Ngan

auction
International
bidding

2023

9

Example of re-exportation: One such example could be when one member of a free trade agreement charges lower tariffs to external nations to win trade, and then re-exports the same product to another partner in the trade agreement, but tariff-free. Re-exportation can be used to avoid sanctions by other nations.

- Re export trade is conducted between two friendly nations with no conflict or trade barriers. Dubai has emerged as a major re-exporting center, and it re-exports various goods to Iran because of U.S. trade sanctions against it. Dubai can also be called an entrepot.
- Material → Nhập về VN → process then export
- Product → Nhập về VN → export (Tạm nhập tái xuất)
- Các mục đích: Đổi CO (cert of origin. VD: Trung Quốc đẩy hàng sang VN để đổi CO thành VN để tiện cho việc xuất khẩu do có một vài quốc gia hạn chế CO Trung Quốc), giảm thuế,...
- Free trade zone in VN: Phú Quốc, Vân Đồn (Vân Phong),... Hàng vào đặc khu kinh tế thì free trade, sau đó lấy CO để xuất tiếp qua các nước khác.
- Nhập khí từ AdamCo: LayCan (ngày 1-5 hàng tháng theo FOB, hết thời gian đó không có tàu tới lấy hàng thì hủy hợp đồng và đền tiền). → giá rất tốt nhưng VN không dám nhập direct từ AdamCo, chỉ dám nhập từ trader (ở Korea và

Sing) do VN không có tàu (phải thuê ngoài), lô hàng lớn, không có kho chứa.
→ một kiểu re-export

Countertrade: exchange of goods/services.

Commodity exchanges: (Sở giao dịch hàng hóa)

Processing: electric devices,...

International Auction: Đấu giá (có nhiều ở Hong Kong, ở VN chưa phổ biến. Chủ yếu đấu giá cổ vật, tranh,...)

International Bidding: Đấu thầu

▫ **Art.1, CISG 1980:**

- “parties whose places of business are in different States”
- Nationality?

▫ **Art. 27, Commercial Law 2005:**

- No definition
- Forms of international sales of goods
- What element determines “international sales”?

Vuong Thi Phuc

2023

10

Yếu tố nào quyết định “international sales”?

Theo Công ước: different states

Theo VCL 2005: not mention

- **Art. 2, CISG 1980**, this Convention does not apply to
 - sales: of goods bought for personal, family or household use;
 - by auction;
 - on execution or otherwise by authority of law
 - of stocks, shares, securities, negotiable instruments or money; of ships, vessels, hovercraft or aircraft;
 - of electricity.
- **Art. 3, Commercial Law 2005**, goods include:
 - All types of movables, including those to be formed in the future; Things attached to land;

Vuong Thi Phuc

2023

11

CISG 1980 vs. Commercial Law

2005:Civil or commercial sales of
- goods? Traders?

Commercial Law 2005, Art. 6 and 16: Traders include

“lawfully established economic organizations and individuals that conduct commercial activities in an independent and regular manner and have business registrations.”

“Foreign traders mean traders established and making their business registrations according to the provisions of foreign

laws or recognized by foreign laws ”

Civil sales: giữa cá nhân với cá nhân

Commercial sales: có sự tham gia của traders

2. Re-exportation

1. Definition

Re-exportation is the transaction in which profit is gained by exporting the goods in the same state as previously imported.

2. Features

- spent; Goods do not undergo processing;
- Involve 3 parties (triangular transaction), 2 separate contracts; Goods of great supply/demand & varying price;
- Enjoy customs and tax preferences.

**Re-exportation vs.
transit of goods?**

Re-exportation: must do custom procedure (import/export)

Transfer of goods: chuyển giao như ở Hong Kong hay Sing, chuyển từ feeders sang tàu lớn để đi.

2.3.2. Transfer of goods through border-gates Art. 30, Commercial Law 2005:

Transfer of goods through border-gates means purchase of goods from a country or territory for sale to another country or territory outside the Vietnamese territory without carrying out the procedures for importing such goods into Vietnam and the procedures for exporting such goods out of Vietnam.

1. Temporary import for re-export →

Money: Goods:



Art. 29, Commercial Law 2005:

Temporary import of goods for re-export means the bringing of goods into Vietnam from foreign countries or special zones located in the Vietnamese territory, which are regarded as exclusive customs zones according to the provisions of law, with the completion of the procedures for importing such goods into Vietnam, then procedures for exporting the same goods out of Vietnam.

→ **Temporary export for re-import?**

- Re-export goods must carry out both import and export customs procedures;
- Re-export goods cannot be retained in Vietnam territory for more than 60 days.
- Traders can request to prolong (no more than 2 times, no more than 30 days each time);
- Import tax collected when temporarily imported and refunded when re-exported

INTERNATIONAL SALES OF GOODS

Forms of transfer of goods through border-gates:

- a. Goods are transported directly from the export to the import country without going through VN border-gates;
 - ⇒ No customs procedures.
- b. Goods are transported from the export to the import country through Vietnamese border-gates without carrying out the procedures for importing them into Vietnam and the procedures for exporting them out of Vietnam;
 - ⇒ Goods have to undergo customs control until being actually re-exported.

INTERNATIONAL SALES OF GOODS

- c. Goods are transported from the export to the import country through VN border-gates and brought into bonded warehouses or areas for trans-shipment of goods at VN ports without carrying out the procedures for importing them into VN and the procedures for exporting them out of VN.
 - ⇒ Carry out customs procedures to bring the goods into and out of bonded warehouses, areas for trans-shipment of goods.

Note:

- (a) is considered to be “open” while (b) and (c) are “secret”.
- ⇒ What do the re-exporters want to keep secret?
- ⇒ Can origin of goods be changed legally?

Bonded warehouse: kho ngoại quan

Khi transit thì cần 1 chỗ để restore → bonded warehouse

- Hải quan là bên biết rõ nhất về **nguồn gốc hàng hóa**, họ có nhiệm vụ giữ bí mật tuy nhiên nguồn gốc hàng hóa (mỗi hàng) là thứ quan trọng nhất mà re-exporters muốn giữ bí mật nhất.

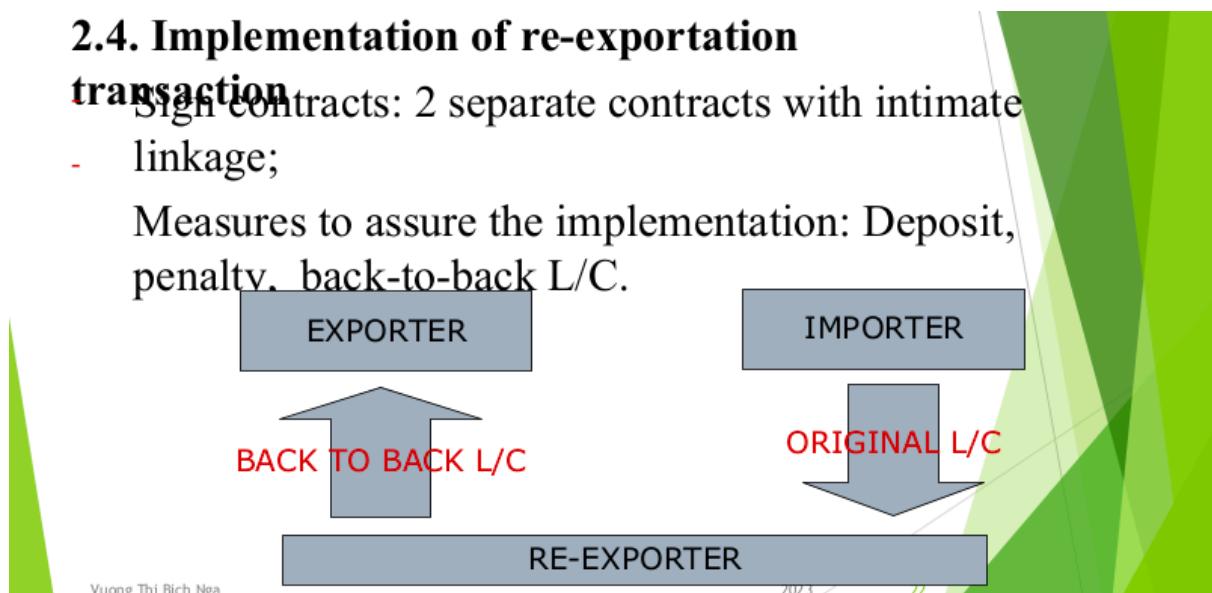
- CO có thể changed legally. (join group Certificate of Origin để biết thêm thông tin chi tiết). (CO liên quan đến ưu đãi về tax). Transfer of goods can not change CO legally, nhưng nếu illegally thì change được.

2.4. Implementation of re-exportation

transaction: 2 separate contracts with intimate

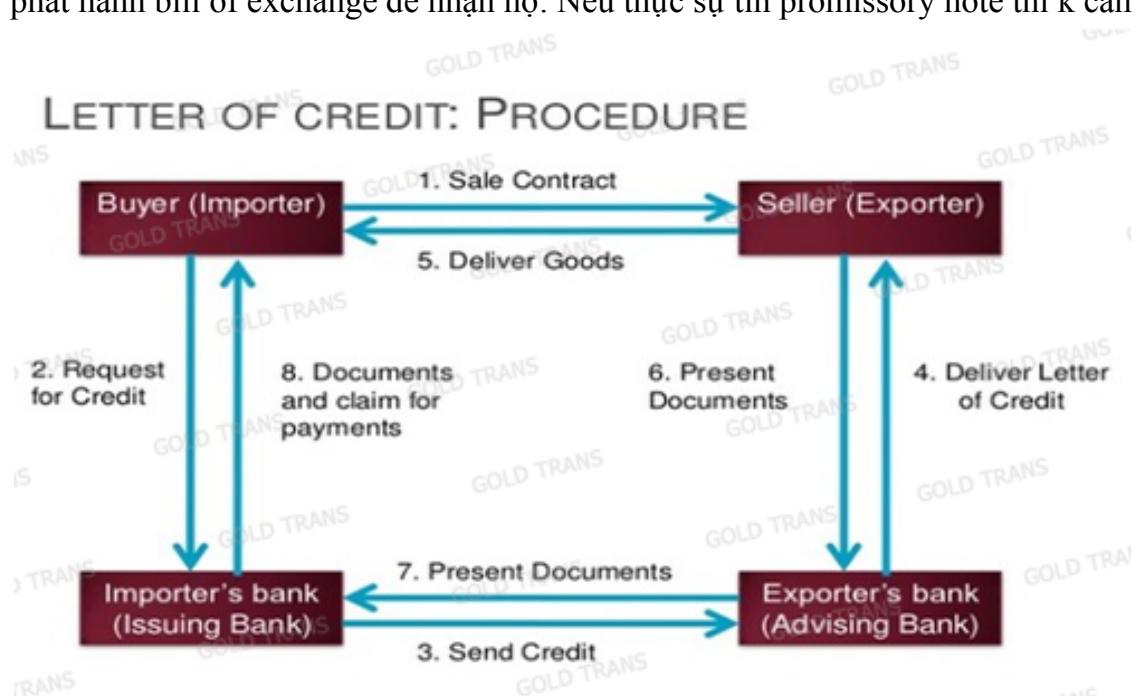
- linkage;

Measures to assure the implementation: Deposit, penalty, back-to-back L/C.



Back to back L/C: LC giáp lưng. issued by the bank to the customer to assure that they will pay for their customer.

L/C an toàn hơn advanced payment vì có lời hứa của bank (1 tổ chức có uy tín) hoặc có promissory note (hối phiếu nhận nợ) được phát hành bởi importer. Còn exporter phát hành bill of exchange để nhận nợ. Nếu thực sự tin promissory note thì k cần L/C.



exporter giao hàng sai, vẫn có bộ chứng từ phù hợp thì bank vẫn buộc phải thanh toán L/C (chỉ check bề mặt các chứng từ có phù hợp L/C ko). Tính chất L/C k hủy ngang. thời hạn L/C đc co tính từ lúc L/C được mở cho tới khi L/C hết hạn

3. Countertrad

- e
- 1. **Definition** trade includes transactions with a linkage between the export and the import of goods or services in addition to, or in place of, financial settlements.

- Counter-trade means exchanging goods or services which are paid for, in whole or part, with other goods or services, rather than with money. However, monetary valuation can be used for accounting purposes.

3.2.

~~Exporter~~ is also

- importer; Similar to
- re-exportation?

Counter-traders care more about use value

- (worth) than exchange value (value) of goods;
- Money is mainly used for calculation purpose;
- Require balance in use value, exchange value, weight, delivery terms...

Care more about use value than exchange value. (VD: VN đổi gạo lấy thuốc)

3.3. Reasons for development

Lack of money, lack of faith in money, lack of acceptability of money as an exchange medium;

Maintain positive balance of trade, reduce trade imbalances (commodity that is being bought is equaled with that being sold);

Gain competitive advantage over other nations/

+ Companies selling or trading the same products:

+ Providing counter-trade services helps traders differentiate their products from competitors'.

Vương Thị Bích Ngọc

2023

25

► *Barter*: Exchange of goods or services directly for other goods or services without the use of money as means of purchase or payment.

► Ex.: Trade relationship between China and Thailand where fruits are traded by Thailand for buses made by China.

► *Offset*: The agreement by one country to buy a product from another, subject to the purchase of some or all components and raw materials from the buyer, or the assembly of such product in the buyer's country.

VD: Offset: giao dịch bồi hoàn

Counter-purchase: Sale of goods/services to another country with the commitment to make a future purchase of specific products from that country.

Ex.: The trade between Congo and China where computers are traded for the supply of metals.

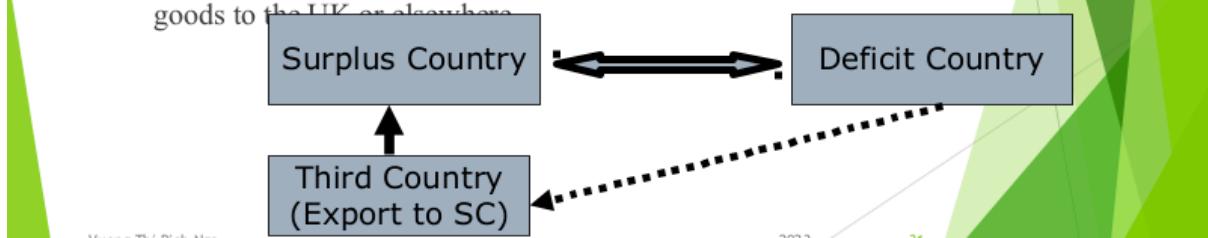
► *Buyback*: Suppliers of capital, plant, equipment agree to be paid by the future output of the investment concerned.

► Ex.: Japan sets up an automobile factory in Laos. They take part of the total output as they have set up the industry, provided technology & training.

Buyback là một việc link với FDI, do FDI đầu tư và phải xuất đi tầm 85% thành phẩm.

- ▶ *Switch trading*: One country sells to another its obligation to make a purchase in a given country

- ▶ Ex.: Brazil has a trade surplus with Poland. Then, UK's exports to Brazil could be financed from the sale of Polish goods to the UK or elsewhere



Bên có thặng dư thương mại đẩy bớt qua cho bên thâm hụt để được trade balance.

4. Import/Export Through Intermediary

1. Definition

Mode of transaction in which the relationship between the seller and the buyer is established through a third party – the commercial intermediary.

Art. 3, Commercial Law 2005:

“Commercial intermediary activities mean activities carried out by a trader to effect commercial transactions for one or several identified traders [...]”
 ⇒ Commercial intermediaries are traders who carry out commercial intermediary activities.

Intermediaries are traders, not individuals.

4.2.

Features

Commercial intermediaries connect sellers and buyers; producers and consumers;

- Commercial intermediaries work under entrustment;

Commercial intermediaries and traders who entrust them are interdependent;

Profit is shared between commercial intermediaries traders who entrust them.

- **Advantages**
 - Increase sales and reduce risks in newly penetrated markets;
 - Save direct investment and transport cost;
 - Take advantages of intermediaries' services;
- **Disadvantages**
 - Lose direct contact with the market;
 - Share profit with intermediaries;
 - Take risk if wrongly choose bad intermediaries;
 - Intermediaries may have so many requirements.

- **Usage**
 - Penetrate into a new market;
 - Introduce new products;
 - Required by market practice;
 - Establishment of trade relationship is restricted by political, diplomatic reasons;
- **Requirements to become commercial intermediaries**
 - Lawful traders operate in registered fields;
 - Meet certain requirements of the relevant field.

Quốc gia nổi tiếng nhất về intermediaries (trung gian, đại lý): Singapore

4.3. Classification

- **International**
 - + Brokerage
 - + Agency
- **Vietnam**

Art. 3, Commercial Law 2005:

- + Representation of traders
- + Commercial brokerage
- + Goods sale or purchase entrustment
- + Commercial agency

1. Brokerage

1. Definition

Art. 150, Commercial Law 2005:

Brokerage is a commercial activity in which a trader acts as an intermediary (the broker) between parties selling and purchasing goods or providing services (the principals) in the course of negotiations and entering into contracts for sale and purchase of goods or provision of services and shall be remunerated under a brokerage contract.

Brokers are not representative of principles (not on half, not in the name of). Broker không trực tiếp tham gia vào ký kết hợp đồng, chỉ ở ngoài hưởng tiền phí môi giới.

4.3.1.2. Features

- Brokers are not representatives of principals;
- Brokers do not sign contracts and take part in the performance of contracts between principals, except when authorized by the principals
⇒ *Representation of traders?*
- Brokers are responsible for the legal status, but not for the solvency, of the principals;
- Brokers often operate under short-term authorization for each single transaction.

2. Agency

1. Definition

a. EU law

Agents are self-employed intermediaries who have continuing authority to negotiate the sale and purchase of goods on behalf of the principals, or to negotiate and conclude the contracts for sale and purchase of goods on behalf of and in the name of the principals.

⇒ Representation of traders in VN Law.

Agency ở châu Âu có thể sử dụng tên của principles, còn ở VN sử dụng tên khác.

b. Vietnam law

Art. 166, Commercial Law 2005:

Commercial agency means a commercial activity whereby the principal and the agent agree that the agent, in its own name, sells or purchases goods for the principal or provides services of the principal to customers for remuneration.

⇒ Goods sale or purchase entrustment?

4.3.2.2. Features

- Agents may sign and carry out contracts;
 - Agents often operate under long-term authorization;
 - “The principal is the owner of goods or money delivered to the agent” (**Art. 170, CL 2005**)
- ⇒ Brokerage vs. Agency
- ⇒ Self-reading: <http://www.ecolaw.vn/vi/node/253>

<http://luatsuquangthai.vn/thong-tin-luat-hop-dong/cac-hinh-thuc->

Brokerage hưởng phí môi giới, Agency hưởng chiết khấu hoa hồng.

4.5.2.3. Types of agents

- “Mandatory agent”: Operate under the principal’s name and costs.
- “Commission agent”: Operate under his own name and the principal’s costs;
- “Merchant agent”: Operate under his own name and costs.
 - Similar to which type of commercial intermediary in
 - Vietnam Commercial Law?

Mandatory agent can sign the contract under his name?

Mandatory agent: đại lý thu ủy

Commission agent: đại lý hoa hồng

Merchant agent: đại lý kinh tiêu (kinh doanh - tiêu thụ)

Mandatory agent can sign the contract under his name? → Yes.

Art. 63, Commercial Law 2005:

“[...] commercial activities whereby the parties agree to purchase and sell a defined quantity of goods of a defined type through the Commodity Exchange under the standards of the Commodity Exchange, at a price agreed upon at the time the contract is entered into, and with the time of goods delivery determined to be a specific point of time in the future.”

- Does the definition cover all the transactions?

- ▶ 5.2. Features
- ▶ Transactions are conducted at specific time and place;
- Goods: generic, large volume, commercially interchangeable;
- ▶ Transactions are conducted by brokers nominated by the Commodity Exchange;
- Purchase and sale goods must follow the Commodity Exchange's requirements and standards;
- Goods Exchange connects supply and demand of a certain product, at a certain time and in a certain area, therefore, shows the fluctuation of price;
- ▶ Most of the transactions are “short-sale” ones.

Short-sale:

5.3. Classification

- International
- + Spot transaction
- + Forward transaction
- + Hedging transaction
- + Option transaction
- Vietnam

Art. 64, Commercial Law 2005:

Contracts for purchase and sale of goods through the C.E include forward contracts and option contracts.

5.3.1. Spot transaction

- In a spot transaction, delivery and payment are made at the moment of signing contract
- Price is called “spot price” or “spot quotation”
This type of transaction accounts for about 10%

5.3.2. Forward Transaction

- In a forward transaction, price is agreed at the moment of signing contract, but the delivery and payment are carried out after a certain period of time. Forward transaction allows traders to benefit from the change in price.

Luật VN không có Spot và hedging

- Forward transactions are mainly “short-sale” ones, conducted by speculators;
- Bull speculator: Always anticipates a rise in the price (the buyer); Bear speculator: Always anticipates a fall in the price (the seller);
Traders can flexibly postpone purchasing or buying by paying offset to the other party;
- Clearing House’s role in forward transaction: the seller and the buyer negotiate the contract, but fulfil their obligations

Speculator: nhà đầu cơ

Bull: mua và mong thời gian sau giá sẽ tăng

- **Example:**

- **January 1st:** The seller and the buyer sign a contract for sale of 1000 MT of goods X, at the price of USD 500/MT; delivery shall be made 1 month later.
- **February 1st:** The market price of X falls to USD 400/MT.
 - ⇒ The seller (bull) gains USD 100,000;
 - ⇒ The buyer (bear) loses USD 100,000;
 - ⇒ The buyer may choose to receive the goods or pay the purchase offset of USD 100,000 to the seller through Clearing House.

5.3.3. Hedging transaction

- In a hedging transaction, traders conduct “short-sale” transactions at the Commodity Exchange beside actual transactions in the real market to avoid risks caused by the fluctuation of price;
- Hedging is a self-insurance measurement, and itself does not help traders gain profit;
- When conducting hedging transaction, a trader must choose a proper strategy based on his information on prices, costs...

Nghiệp vụ hedging: (nghiệp vụ tự bảo hiểm): thực hiện nghiệp vụ mua bán tại sàn giao dịch bên cạnh giao dịch thực tế

- **Example 1:**

- **January 1st:** Mr. Smith signs a contract in the real market, agreeing to sell the consignment X one month later. His expected price is USD 500/MT;
- To avoid a fall in price in the future, Mr. Smith at the same time sells the consignment through the C.E at the price of USD 500/MT;
- **February 1st:** The price of X falls to USD 400/MT.
- ⇒ He loses USD 100/MT in the real market (the actual price is lower than his expectation);
- ⇒ He gains USD100/MT in his “short-sale” at the C.E.

Hedging thì phải có 1 lô hàng thực tế thì mới hedge được.

5.3.4. Option transaction

Art. 64, Commercial Law 2005:

Call option or put option contract means an agreement whereby the purchaser has the right to purchase or sell a specific goods at a pre-fixed price level (executed price) and must pay a certain sum of money to buy this right (option money). The option purchaser may opt to effect or not to effect such purchase or sale of goods.

- ⇒ The trader actually buys the right to effect the transaction; he has no obligation to effect it.
- ⇒ In any case, he always loses the option fee.

Call option or put option: quyền mua và quyền bán

Exercise: Phân biệt giữa hedging, future, forward and option transaction. Luật VCL cho phép thực hiện các transaction này hay không? (DL: thứ 2 tuần sau, theo group và nộp trên Zalo group)

INTERNATIONAL PROCESSING

1. Definition

Art. 178, Commercial Law 2005:

Commercial processing means a commercial activity whereby a processor uses part or whole of raw materials and materials supplied by the processee to perform one or several stages of the production process at the latter's request in order to receive remuneration.

International processing:

- Processor and processee: in different countries/customs areas;
 - Materials, semi-products, products: across border.
- ⇒ International processing is a commercial activity in which one party (the processor) imports materials, semi-products from the other party (the processee) to process into complete products, return them to the processee and receive remuneration (processing fee).

2. Features

Remuneration is proportional to labour power;

- Ownership of materials, semi-products often belongs to the processee;
- Enjoy tax and customs preference.

Which kind of tax and customs preference? Những nguyên vật liệu nhập về cho sản xuất và gia công thì được miễn thuế ở VN.

3. Classification

1. In terms of material ownership

1. Provide materials, return products

- The processee provides the processor with materials/semi-products;
- After the processing period, the processor shall return products and gets remuneration;
- During the processing period, the ownership of material
- ⇒ still belongs to the processee.

Vuong
Ownership: possession, use, and disposal. 56

3.1.2. Buy materials, sell products

a. Materials from the processee

- The processee sells materials to the processor;
- After the processing period, the processor sells products to the processee;
- In each step, payment is actually arranged => *considered to be 2 separate contracts*;
- Ownership is *considered to pass* from the processee to the processor;
- Unless otherwise stipulated, the processee still holds the right to control *complete products*.

b. Materials from other sources

- The processee provides samples and assists the processor with technical equipments/documents;
 - The processor independently prepare materials (import from the processee or not);
 - After the processing period, the processor sells complete products to the processee;
 - The contract often stipulates that the processee is responsible for the consumption of the complete products.
- (a) and (b) are often combined.

3.2. In terms of processing pricing

- Cost plus pricing: The processor will remunerate all reasonable costs and the processing fee;
- Target pricing: A target price is defined for each complete item, which includes target cost and target processing fee;
 - + Examples of processing pricing:
 - + *CMT: Cutting, Making, Trimming*
 - + *CMP: Cutting, Making, Packing*
 - + *CMQ: Cutting, Making, Quota*

CMT, CMO, CMQ: for garments

Find a processing contract to get some point for midterm.

AUCTION

In VN, auction can be made in the bank (VD: car, truck, land, houses), private company.

How to bring the product out of country for border? --> đăng ký -- đem đi đấu giá - đem tiền về đóng thuế thu nhập

International auction in VietNam? --> có ở VN nhưng chủ yếu là các mỏ dầu (rules lồng nhằng)

Can goods in need of liquidation be auctioned? -->

(Có đấu giá lên và đấu giá xuống)

Voiceless auction: thay vì dùng việc nói thì dùng giấy. Tuy nhiên voice thường fair hơn voiceless

Tài sản của nhà nước phải đấu giá hoặc đấu thầu.

BIDDING

Centralize purchasing: khi mua bất kỳ một service hay goods nào thì phải có quy trình (theo bidding??)

Price is the most important factor in bidding? no. Còn phải phụ thuộc vào các yếu tố khác (VD: time, quality,...)

Open bidding: ai vào cũng dc, không cần pre-qualification

Restrictive bidding: có technical requirements (các yêu cầu về thời gian thành lập công ty, financial statement, contracts have signed with others,...)

Appointment of contractors: chỉ định thầu trong tình huống gấp

One-stage bidding

one-dossier-bag: technical & financial proposals at the same time

two-dossier-bag: theo thứ tự (pass technical --> financial)

Hiện nay có sử dụng e-paper thay vì paper based (sẽ có code để đúng giờ mới được mở, nếu mở trước dễ bị lộ giá)

Two-stage bidding

Vụ Tân Hoàng Minh: lập công ty (Ngôi Sao Việt), trúng thầu dự án đất ở Thủ Thiêm, phát hành trái phiếu trái phép --> chiếm đoạt tài sản của người dân (tương tự vụ của Vạn Thịnh Phát)

bidding có procedure đánh giá techincal, financial còn auction thì chỉ cần đóng phí là có thể vào đấu được, không có pre-qualification. --> auction nên có thêm luật về đánh giá năng lực người đấu (pre-qualification)

Case Long Phú (bidding, Nga trúng thầu nhưng dựa vào force majeure để hủy hợp đồng). Bên đó tranh luận force majeure là cấm vận chưa được đưa vào hợp đồng. Force majeure có 2 cách, 1 là liệt kê 2 là tiêu chí để được xét là force majeure. Cách 1 thì rõ ràng nhưng dễ thiếu.

Long Thành (liên doanh các nhà thầu). Kiện vẫn kiện, làm vẫn làm. Bên liên doanh kiện người trúng thầu về việc

INCOTERMS : International Commercial Terms

History and development:

INCOTERMS are not price clauses, but do have an impact on the pricing (không có term về giá nhưng có impact lên giá. VD như giữa giá FOB và giá CIF thì giá CIF luôn cao hơn giá FOB khoảng 5 - 10% do có include Insurance and Freight).

Before the container is loaded: pre-carriage

main carriage: when the container is on board

On carriage: sau khi container được dỡ khỏi tàu

door-to-door: include pre, main, on carriage

door-to-port: pre and main only

port-to-door: main and on only

omni-modal: use all modes of transport (multi-modal: vận tải đa phương thức)

Containerised vs bulk goods: hàng vận chuyển trong container vs hàng rời (thép cuộn, phân bón, than,...)

Với hàng cont thường đi tàu chở (có lịch trình riêng, cố định như kiểu xe buýt theo giờ), còn hàng rời thường sẽ đi tàu thuyền, book tàu thuyền riêng.

Delivery: thường sẽ có terms riêng trong hợp đồng.

	T/F
1. The Incoterms® rules are derived from 'International Contract Terms'	
2. The Incoterms® rules are a set of International Commercial Law	
3. The Incoterms® rules are not applicable to domestic trade transactions	
4. The Incoterms® rules address the transfer of property/title/ownership of the goods sold.	
5. The Incoterms® rules are applicable to contract of carriage	
6. The Incoterms® rules are automatically applicable to sale of goods contract	
7. Variations of Incoterms rules (FOB Stowed and trimmed; CIF landed;...) are stipulated in Incoterms	
8. Use of ® trademark symbol (the circled R trademark indicator) is required when referring to Incoterms	
9. The Incoterms® rules cater for materials transported by pipeline, such as oil and gas	

1. F 2. F 3. F 4. F 5. T 6. F 7. F 8. F 9. F

The Incoterms® rules cater for materials transported by pipeline, such as oil and gas. — False. The

Incoterms® rules primarily focus on the trade of goods transported via conventional modes of transportation such as maritime (ships), air, rail, and road. While they cover a wide range of industries and goods, including commodities like oil and gas, the Incoterms rules do not specifically address the unique characteristics and considerations of materials transported by pipeline.

3.3. In terms of number of parties involved

- Two-party processing: Simple processing
- Multi-party processing: Transitional processing
- + Processee: Only one company;
- + Processor: Several companies. Products of the 1st phase become materials for the 2nd phase.

Art. 33, Decree 187/2013/NĐ-CP, :

Processed products under a processing contract in one phase shall, under the instructions of the supplier, be provided for the purpose of the processing contract of the following phase.

Vuong

2023

60

1. Definition

Commercial Law 2005, Art. 185:

Auction of goods means a commercial activity whereby sellers themselves conduct or hire auction organizers to conduct public sale of goods to select purchasers that offer the highest price.

International auction:

- Sellers and buyers: different countries/ customs areas; Products: move across border.
- ⇒ **Note:** Role of *price* in auction transaction.

INCOTERMS

	INCOTERMS 2000	INCOTERMS 2010	INCOTERMS 2020
Name	INCOTERMS 2000	INCOTERMS © 2010	INCOTERMS ® 2020
Terms	13 TERMS	11 RULES	11 RULES
	DEQ	DAT	DPU
	DAF, DES, DDU	DAP	
Grouping	4 groups: E-F-C-D	2 Groups	2 Groups
	International Trade	Domestic and International Trade	Domestic and International Trade
FOB, CFR, CIF	SHIP'S RAIL	ON BOARD	ON BOARD

the effect of sanctions: refer to the Law applied

Force majeure or hardship: hardship refer to sth similar to force majeure but it hard to exercise the contract

Dùng bản nào ghi bản này, bản mới không invalid bản cũ

Ex works: giao tại xưởng, minimum responsible for seller, maximum for buyer

E: Ex works

F: FOB (giao hàng lên tàu là hết trách nhiệm), FAS (seller is free when goods are on alongside ship, chưa cần lên tàu????), FCA (seller is free when giao cho ng chuyên chở, for multimodal transport)

C: CFR, CIF, CPT (tương tự CFR nhưng dùng cho multimodal transport), CIP (C là cost, tức giá hàng FOB) (seller chỉ thuê giùm ng chuyên chở, nếu có vấn đề thì buyer đi khiếu nại)

D: DEQ (miễn trách tại cầu tàu), DES, DAF (used for cross border trade, giao tại biên giới (frontier)), DDU (mang đến tận nơi, trừ việc nộp thuế), **DDP** (chịu trách nhiệm giao tận nơi, duty paid)

→ respectively, the responsibility of seller increase,

Áp dụng cho maritime: FOB, FAS, CFR, CIF, DEQ, DES

Tới năm 2010: DEQ → DAT (deliver at terminal thay vì deliver at cầu tàu → dễ xác định hơn) vẫn dùng cho maritime.

DES, DAF, DDU → DAP (deliver at place áp dụng cho vận tải đa phương thức, duty unpaid)

Tới 2020: DAT tiếp tục được đổi thành DPU (deliver at place unloaded???)

Nhóm D không còn chỉ dành cho Maritime mà dành cho multimodal, lúc này chỉ còn FAS, FOB, CFR, CIF là dành cho maritime.

Multimodal: dùng từ 2 phương thức nhưng chỉ 1 document, 1 người chịu trách nhiệm.

segmented transport: dùng từ 2 phương thức nhưng mỗi đoạn mỗi người khác nhau → more than 2 transporters provided.

Transhipment/Transit: chuyển tải (có cho chuyển từ tàu này sang tàu khác hay không)

Incoterms' 10 obligations:

The seller's obligations	The buyer's obligations
• A1 General obligations	• B1. General obligations
• A2. Delivery	• B2. Taking Delivery
• A3. Transfer of risks	• B3. Transfer of risks
• A4. Carriage	• B4. Carriage
• A5. Insurance	• B5. Insurance
• A6. Delivery/Transport Document	• B6. Delivery/Transport Document
• A7. Export- Import Clearance	• B7. Export- Import Clearance
• A8. Checking/Packaging/Marking	• B8. Checking/Packaging/Marking
• A9. Allocations of costs	• B9. Allocations of costs
• A10. Notices	• B10. Notices

Clearance: Custom procedure

Allocations of costs: which cost for whom?

(Đọc incoterms tick đủ 10 obligations)

Ex Works:

VD: Ex Works An Giang,...

EXW - Ex Works

EXW (insert named place of delivery) Incoterms® 2020



- "Ex Works" means that the seller delivers when it places the goods at the disposal of the buyer at the seller's premises or at another named place (i.e., works, factory, warehouse, etc.).
- The seller does not need to load the goods on any collecting vehicle, nor does it need to clear the goods for export, where such clearance is applicable.

• EXW (insert named place of delivery) Incoterms® 2020

☒ **EXW ABC Co.,Ltd , 15 D5 Street, Ward 25, Binh Thanh District, Hochiminh City, Viet Nam, Incoterms 2020**

Điều 10 obligations

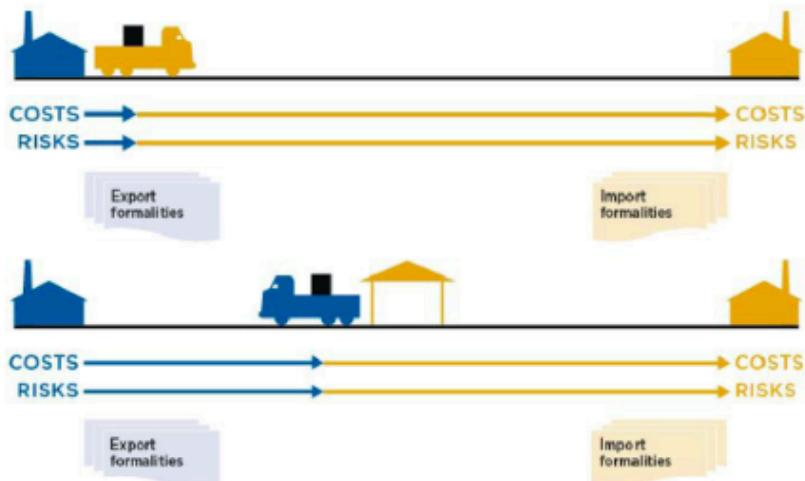
- ☒ ***Free from loading, carriage and insurance, customs formalities***
- ☒ ***EXW represents the minimum responsibility for the seller***

☐ Notes:

- Transport mode: EXW may be used irrespective of the mode or modes of transport, if any, selected.
- EXW may be suitable for domestic trades, where there is no intention at all to export the goods.
- EXW imposes the least set of obligations on the seller ☒ The buyer should use it with care.
- EXW may be used if:

GROUP F FCA - Free Carrier

FCA (insert named place of delivery) Incoterms® 2020



- "Free Carrier" means that the seller delivers the goods to the carrier or another person nominated by the buyer at the seller's premises or another named place.
- The parties are well advised to specify as clearly as possible the point within the named place of delivery, as the risk passes to the buyer at that point.

Có cần phải load hàng lên phương tiện vận chuyển tại địa điểm chỉ định k?

Còn với điều kiện FCA, cả 2 bên sẽ thoả thuận rằng bên mua có trách nhiệm xếp và chất hàng lên phương tiện chuyên chở được cung cấp bởi người bán. Như vậy, rủi ro sẽ được giảm thiểu trong suốt quá trình chuyển giao hàng hoá giữa hai bên.

2.2 Việc chuyển rủi ro

Liên hệ

Người bán hết trách nhiệm khi giao hàng cho người vận tải. Cụ thể:

Nếu giao tại xưởng của người bán:

- Người bán phải bốc xong hàng lên xe tải/container tại xưởng người bán thì người bán mới hết trách nhiệm chịu rủi ro.

Nếu giao tại sân bay Tân Sơn Nhất (cụ thể là giao đến các kho SCSC, TCS, kho DHL, FEDEX...) cho các hãng bay mà người mua thuê.

- Người bán chỉ cần chờ hàng đến các kho SCSC, TCS, kho DHL, FEDEX... để giao cho hãng bay là hết trách nhiệm. Thậm chí người bán không chịu trách nhiệm và chi phí cho việc dỡ hàng xuống khỏi xe tải tại kho này. Và nôm na, nếu mất hàng trong kho này thì rủi ro/chi phí này người mua chịu.

Nếu giao ở cảng biển:

Trường hợp hàng đóng trong containers/sử dụng tàu Liner (Các hãng tàu thường chỉ định người bán giao hàng ở các ICD gần cảng chính):

- Người bán chỉ cần chờ hàng đến các ICD nơi mà hãng tàu chỉ định người bán giao containers hàng ở đấy là người bán hết trách nhiệm chịu rủi ro. Thậm chí người bán không chịu trách nhiệm và chi phí cho việc dỡ hàng xuống khỏi xe tải/xe containers tại ICD này. Và nôm na, nếu mất hàng trong ICD này hay bất cứ rủi ro nào phát sinh trong đoạn đường từ ICD này đến cảng bốc thì rủi ro/chi phí này người mua chịu.

Trường hợp hàng không đóng trong containers/Sử dụng tàu chuyển. (Việc giao hàng sẽ diễn ra ở mép cảng/cầu cảng tại cảng chính)

- Người bán phải chờ hàng đến cảng chính, đặt hàng ở cầu cảng sát mép tàu là hết trách nhiệm chịu rủi ro. Ví dụ nếu có rủi ro trong quá trình bốc hàng lên tàu, rủi ro đó người mua chịu.

“ Tại sao không nên sử dụng FOB, CIF, CFR for containerised goods mà nên sử dụng FCA, CIP, CPT respectively?”

FOB → FCA: seller hết trách nhiệm khi giao lên tàu, FCA hết trách nhiệm khi giao hàng tại CY hoặc CFS (địa điểm chỉ định) → rõ ràng hơn cho việc xét trách nhiệm

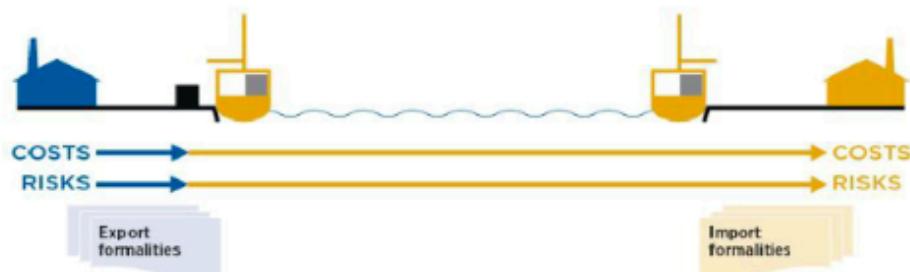
Tương tự cho 2 terms còn lại

FAS - Free Alongside Ship

Điều khác biệt lớn nhất giữa nhóm E và F là nhóm F người bán phải làm thủ tục hải quan, phải mang hàng tới và xếp lên phương tiện chuyên chở

FAS - Free Alongside Ship

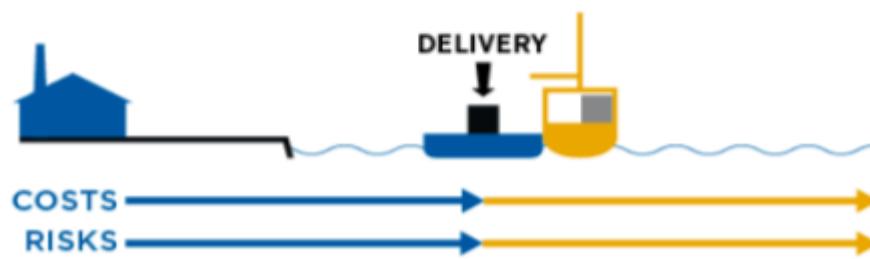
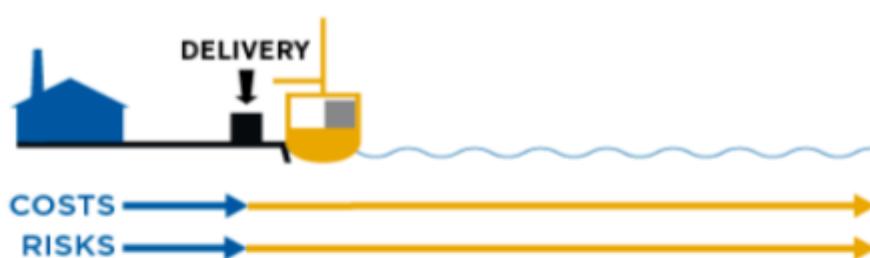
FAS (insert named port of shipment) Incoterms® 2020



➤ “Free Alongside Ship” means that the seller delivers when the goods are placed alongside the vessel (e.g., on a quay or a barge) nominated by the buyer at the named port of shipment.

➤ The risk of loss of or damage to the goods passes when the goods are alongside the ship, and the buyer bears all costs from that moment onwards.

Việc load hàng lên tàu nằm ở nghĩa vụ của người mua, người bán chỉ có trách nhiệm tới khi đặt dọc mạn tàu hoặc trên cầu tàu



hình trên: giao ở cầu tàu

hình dưới: dọc mạn tàu

FAS vẫn dùng cho một vài loại hàng bao kiện

FAS: Free alongside ship (insert Named port of shipment) Incoterms® 2020

Free Alongside Ship means that the seller delivers the goods to the buyer when the goods are placed alongside the ship (e.g. on a quay or a barge) nominated by the buyer at the named port of shipment or when the seller procures goods already so delivered.

- Notes:

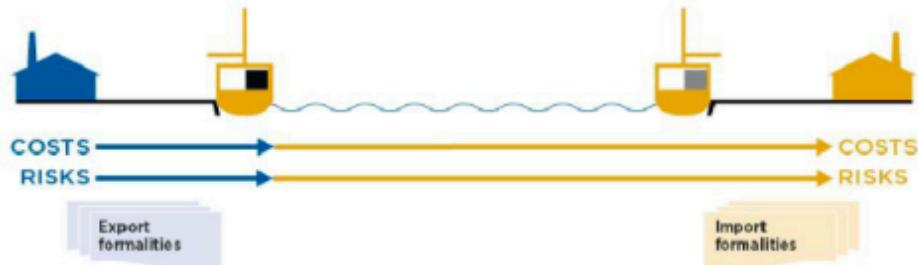
- Used only for sea or inland waterway transport
- Not suitable for containerized goods (using FCA instead of FAS);
- Lighterage/barge charges need to be allocated

lighterage: lồng hàng (VD tàu k vào được thì phải dùng tàu nhỏ để lồng hàng ra dọc mạn tàu)

FOB - Free On Board

FOB - Free On Board

FOB (insert named port of shipment) Incoterms® 2020



- "Free On Board" means that the seller delivers the goods on board the vessel nominated by the buyer at the named port of shipment or procures the goods already so delivered.
- The risk of loss of or damage to the goods passes when the goods are on board the vessel, and the buyer bears all costs from that moment onwards.

During the transit, cargo is frequently sold several times. When this happens, a seller in the middle of the string does not 'deliver' the goods because these have already been delivered by the first seller in the string. The seller in the middle of the string therefore fulfills their delivery obligations not by shipping the goods, but by procuring goods that have been delivered. For clarification purposes, Incoterms®2010 rules include the obligation to 'procure goods shipped' as an alternative to the obligation to ship goods in the relevant Incoterms rules.

FOB: Free on board + Named port

"Free on Board" means that the seller delivers the goods on board the vessel nominated by the buyer at the named port of shipment or procures the goods already so delivered.

Named port: Loading port not discharging port (Cảng xuất)

□ *FOB + Named port of shipment, Incoterms 2020*

FOB Cat Lai Port, Viet Nam – Incoterms 2020

Delivery document = Proof that goods had been delivered = receipt = not title of document.

As the delivery document is ‘the usual proof that the goods have been delivered in accordance with A4’, this document might technically not be a transport document. In practice however the FOB delivery will usually be supposed to be evidenced by a B/L, and delivery will be presumed to coincide with the date on the B/L. (seller’s responsibility)

Under the F-family of rules, the seller must assist the buyer in obtaining a transport document.

- **Notes:**

- **Used only for sea or inland waterway transport**
- **Not suitable for containerized goods (using FCA instead of FOB);**
- **Custom of loading port;**
- **Variations of FOB (FOB stowed, FOB trimmed)**
- **Usage of transport terms: FI, FO, FIO...**

FOB stowed (FOB sấp dưới hầm tàu) và FOB trimmed (FOB sang tàu hàng (include cost sang tàu hàng)): người bán hết trách nhiệm khi hàng giao lên tàu thì có chịu trách nhiệm khi sắp đặt hàng trên tàu hay sấp dưới hầm tàu hay không?

FI: free in (free for carrier): not hire carrier to load the cargo

FO: free out: not hire carrier to discharge the cargo

FIO: in&out: not hire carrier to load and discharge the cargo

FIOST: free in, out, stowage and trimming:

FOB: seller load hàng, buyer charter the vessel → khi thuê tàu thì load là nhiệm vụ của seller → buyer k cần thuê người load → người mua free in

Risk transferred when shipped on board

Freight of liner already includes I, O, S, T → cannot negotiate. Không thuê vẫn phải trả tiền như thường. → higher than the freight of tramp

Freight of tramp có thể negotiate FI, FO,... được

LINER CHARTER (Thuê tàu)

- Liners are ship trading between fixed and predetermined number of ports regardless whether they are full or empty.
- Liners follow a schedule of ports of loading and discharge, usually adhering to a published timetable on set conditions of carriage and often charged at a published rate or freight.
- Liner cargo is almost made up of manufactured or partly-manufactured goods
- The vast majority (90%) of liner cargo is carried in container
- Liner freight includes loading, stowage/trimming and discharge expenses

VOYAGE CHARTER

- Voyage chartering happens when a charter rents whole or part of a ship for transporting his cargoes from port(s) of loading to port(s) of discharge for a single or some of voyages
- Ships are running as the charterer's requirements
- It almost always carries raw materials, very often in bulk such as iron ore, grain, coal, and oil.
- Freight is determined by market to competitive and negotiated with or without I, O, S, T **FIOST?**
- Obligations and responsibility of carriers may be governed by both Bill of lading and charterparty.

Gạo thường dùng voyage (nhiều tấn, thuê nguyên con tàu để chở)

Liner như kiểu xe buýt, chạy chợ theo tuyến, fixed toàn bộ (tù cost (trừ trường hợp có hợp đồng, VIP mới được discount về giá,...) and cannot negotiate

Tramp: chạy rông, chạy lung tung (như kiểu taxi)

Trong tramp có voyage (theo chuyến) và Time (theo thời hạn)

Đa số tàu container hoạt động liner. Phần lớn là vậy, tuy nhiên có 1 hình thức khác là Time charter (thuê tàu để kinh doanh).

FI: free in (free for carrier): not hire carrier to load the cargo

FO: free out: not hire carrier to discharge the cargo

FIO: in&out: not hire carrier to load and discharge the cargo

FIOST: free in, out, stowage and trimming:

FOB: seller load hàng, buyer charter the vessel → khi thuê tàu thì load là nhiệm vụ của seller → buyer cần thuê người load → người mua free in

Risk transferred when shipped on board

- Freight of liner already includes I, O, S, T → cannot negotiate. Không thuê vẫn phải trả tiền như thường. → higher than the freight of tramp
- Freight of tramp có thể negotiate FI, FO,... được

Đối với chứng từ hàng xuất, với liner thì quan trọng nhất là **B/L**, với tramp là **Charter Party** (hợp đồng thuê tàu)

Why does voyage and tramp more relate to FOB? →

NHÓM F ĐIỀN CẢNG ĐI, NHÓM C ĐIỀN CẢNG ĐÊN

BILL OF LADING

1. Definition

- ❖ **Bill of lading is a document issued by a carrier to a shipper (exporter/seller/consignor), signed by the captain, agent, or owner of a vessel, furnishing written evidence regarding receipt of the goods (cargo), the conditions on which transportation is made (contract of carriage), and the engagement to deliver goods at the prescribed port of destination to the lawful holder of the bill of lading (Hinkelman, Edward G., 2008).**

Shipper: chủ hàng, người gửi hàng (có thể là seller hoặc manufacturer, producer, exporter,...)

Vận đơn là văn bản được phát hành bởi Carrier gửi cho chủ hàng.

What? documents of transport

Issued by? Carrier

To whom? Shipper

When? Shipped on board or received for shipment

Hàng air không bao giờ tự xếp được hàng lên tàu (hàng sea thì có thể thuê ng xếp được) → hàng air chỉ có received for shipment

2. Functions

- ❖ Receipt of shipment: confirming whether goods have been received in good condition.
- ❖ Evidence of carriage contract: having the carrier's or the carrier agent's signature only.
- ❖ Document of title security for payment

Tại sao chỉ là evidence mà k phải contract? Do không có obligations; chỉ có chữ ký đơn phương của carrier mà không phải 2 bên carrier và shipper. Nếu có dispute thì

đem B/L ra giải quyết. Do trước đó khi book tàu chỉ có Booking note gửi cho bên liner, họ confirm (acknowledgement) và không cần hợp đồng hay tiền đặt trước (có thể có nếu là khách mới). Tới ngày giao hàng thì đem cargo ra và nhận B/L → the reason why just evidence of carriage contract.

Nếu vận đơn phần Consignee (Cnee) để trống (to the order) thì người nào cầm vận đơn người đó được đi lấy hàng.

Nếu mình là người mua và yêu cầu ngân hàng mở L/C thì sau đó ngân hàng sẽ mở L/C cho người bán hưởng lợi, nhưng khi để cnee trên vận đơn thì To the order sẽ để To the bank. Do nếu ghi buyer thì người mua là chủ sở hữu lô hàng và ngân hàng k đảm bảo được mặt payment.

This permits the initial transfer of ownership from the consignor to the consignee and also permits subsequent transfers of ownership by handing over the B/L, suitably endorsed, to the new buyer. If he so wished, the new buyer could resell the cargo and this could go on any number of times while the ship is still at sea until, the eventual buyer presents the B/L to the line, or the line's agent, at the discharging port and claims physical possession of the goods.

It will be easily seen that the seller of the B/L can delay passing the right to ownership until payment has been made, so that the B/L's other function as a document of title is as security for payment; this role is almost indispensable to international traders. When one sells to an overseas buyer, only if the two parties are old and trusted friends can the matter of payment be an informal arrangement, such as cash in advance or cash on delivery. Overseas trade is seldom like that and the problem is most often overcome by the system known as a documentary credit, often referred to as a letter of credit.

3. Types of B/L

- ❖ By receiver
- ❖ By negotiability
- ❖ By notes on B/L
- ❖ By shipment
- ❖ Transport process

BY RECEIVER

3.1.1. Straight B/L

- ❖ In the box consignee the name of the addressee is entered.
- ❖ Only he has the right to receive the goods.
- ❖ Non-negotiable Bill.
- ❖ Not beneficial to use with COLLECTION and L/C mode of payment.

Straight B/L: vận đơn đích danh. Không ký hậu được → không sử dụng hình thức thanh toán thu hộ hoặc L/C được

3.1.2. To order B/L (2 common cases)

a. To order blank endorsed

"TO ORDER" or "TO ORDER OF THE SHIPPER"

- ❖ The shipper would endorse in blank on the back of the Bill of Lading by signing with authorized signature and stamping with the company's seal (same seal as the one in L/C).

endorsed: ký hậu (ký vào mặt sau của vận đơn. Ai ký thì sẽ To order of người đây)

If to order và leave blank thì ai cầm vận đơn người đó lấy hàng được.

Người có tên sau chữ Theo lệnh (to order) maybe of the bank hoặc the shipper sẽ được ký hậu.

b. To order of a Bank

- ❖ Ex: To order of HSBC Vietnam.
- ❖ It is the issuing bank that would endorse the B/L to enable the applicant to take up of the delivery of the cargo once the documents presented are complying or once the applicant accepts to pay the discrepant documents.

3.1.3. To bearer B/L

- ❖ Any holder in due course can claim the goods.
- ❖ Should not give it directly to the buyer with L/C or Collection payment.

To bearer B/L (Blank B/L): vận đơn vô danh, ai cầm thì ng đó là chủ hàng.

❖ **Negotiability** is the characteristic of a document that allows it to be legally and freely transferable. It allows the passing of its ownership from one party to another by endorsement or delivery.

Dựa vào receiver thì chỉ có 2 loại vận đơn có thể chuyển nhượng được là vận đơn vô danh và vận đơn theo lệnh.

Các cách chuyển nhượng vận đơn:

- Ký hậu (đối với Vận đơn theo lệnh): endorsement
- Handling: đưa vận đơn cho người đó (đối với vận đơn vô danh)
- Ủy quyền toàn phần

3.2. By negotiability

3.2.1. Negotiable B/L

B/L can be transferred by its consignee to a third party by endorsing and delivering it to another party. (To order, To bearer B/L)

3.2.2. Non-negotiable B/L

B/L can not be transferred by its consignee to a third party by endorsing and delivering it to another party. (Straight B/L)

3.3. By notes on B/L

3.3.1. Clean Bill of Lading

❖ A bill of lading issued by a carrier declaring that the goods have been received in an appropriate condition, without the presence of defects.

"Shipped in good order and condition".

Often, a clean bill of lading must be issued to fulfill the requirements set forth in letters of credit. BL is treated as Clean if no exception is marked on it. We can explain to customers of this application. But if customers insist with reasons, Local office can check operations for container condition before adding the clause.

Under a documentary credit, pursuant to Art 27 of UCP 600, a bank will only accept a clean transport document. A clean transport document is one bearing no clause or notation expressly declaring a defective condition of the goods or their packaging. The

word “clean” need not appear on a transport document, even if a credit has a requirement for that transport document to be “clean on board”.

In the event that the word “clean” appears on a bill of lading and has been deleted, the bill of lading will not be deemed to be claused or unclean unless it specifically bears a clause or notation declaring that the goods or packaging are defective (Art 107, ISBP 681).

3.3.2. Unclean Bill of Lading

- ❖ A bill of lading indicating some damage to, or loss of the goods.
It is also called a claused bill of lading.
"goods insufficiently packed in accordance with the Carriage of Goods by Sea Act,"
"five boxes broken", "some bags torn", "case No. 12 missing,"
- ❖ In practice, a clean BL will be essential for the sales contract and must be issued to fulfill the requirements stated in letters of credit.
- ❖ Most banks refuse to accept any unclean bills of lading.
- ❖ By offering a letter of indemnity to carrier, indemnifying the latter against all possible consequences.

Shipper may attempt to persuade the carrier to issue a clean Bill, (even though the cargo is obviously not in apparent good order and condition)

LOI: letter of indemnity (shipper issue it to the buyer or carrier. Đây là thư cam kết mọi phát sinh từ việc không ký vận đơn thì sẽ bồi thường hết. Pls ký vận đơn Clean giùm (chủ yếu để thuận lợi cho việc thanh toán và làm việc với ngân hàng do vận đơn không sạch thì không thanh toán được tiền hàng)).

VD: Shipper xuất 100 xe, nhưng tới ngày load hàng lên thì chỉ có 95 xe → carrier sẽ có note lên B/L là thiếu quantity → B/L không sạch thì ngân hàng sẽ không thanh toán → shipper phải issue LOI để đảm bảo mọi trách nhiệm và miễn trách cho carrier để họ phát hành clean B/L. Khi đến dest, nếu buyer quy chụp trách nhiệm cho carrier do ký vận đơn clean mà bị thiếu hàng thì LOI sẽ là proof of evidence để miễn trách cho carrier. Mọi trách nhiệm sẽ do seller chịu và việc thanh toán vẫn được diễn ra bình thường, maybe sẽ có negotiate lại giữa seller và buyer nhưng không ảnh hưởng đến payment.

3.4. By shipment on board

3.4.1. Received for shipment B/L

- ❖ A B/L which serves only as a receipt for goods accepted for shipment on a named ship (vessel), and does not certify their placement on board.
- ❖ Used where the goods arrive at the port of departure before the vessel does.

3.4.1 FOB không dùng vận đơn này, FCA có thể dùng B/L như receipt of shipment

3.4.2. Shipped on board B/L

- ❖ This B/L evidences goods having been loaded on board the specified vessel with loading date on it. In these cases, the date of issuance of the B/L will be deemed to be the date of shipment.

Shipped on board B/L: đôi khi có thể bị trễ 1 ngày (VD: hợp đồng ghi ngày 20 mà 21 mới đưa hàng tới) → năn nỉ carrier để ký lùi 1 ngày

3.5. By transport process

3.5.1. Direct B/L

- ❖ Direct B/L means that the goods are shipped from the port of loading direct to the port of destination without involving transhipment.

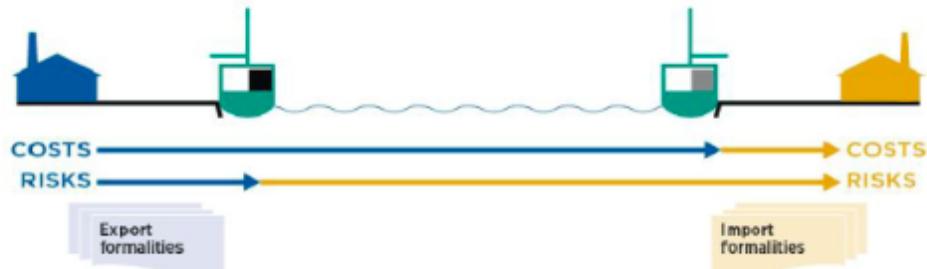
3.5.2. Through B/L

- ❖ Different ships from origin to destination.

CFR - COST and FREIGHT

CFR - Cost and Freight

CFR (insert named port of destination) Incoterms® 2020



- "Cost and Freight" means that the seller delivers the goods on board the vessel or procures the goods already so delivered.
- The risk of loss of or damage to the goods passes when the goods are on board the vessel. the seller must contract for and pay the costs and freight necessary to bring the goods to the named port of destination.

Khác biệt lớn nhất giữa FOB và CFR là đoạn phí vận chuyển (CFR cao hơn). Tuy nhiên risk vẫn transfer như FOB.

→ Vẫn có vấn đề do VD: L/C 15 ngày, hàng 15 ngày chưa đến nhưng vẫn phải trả tiền mà không claim được seller (do risk đã chuyển giao qua cho buyer). Seller thuê tàu, seller trả tiền nhưng risk mình chịu, nếu thuê trúng tàu đều thì trách nhiệm mình chịu.
→ Mua FOB an toàn hơn mua CFR. Hoặc nếu mua CFR thì phải nên quy định rõ tiêu chí tàu hoặc chỉ định tàu.

CFR: Cost and freight + Named port

"Cost and Freight" means that the seller delivers the goods to the buyer

- on board the vessel
- or procures the goods already so delivered.

The seller must contract for and pay the costs and freight necessary to bring the goods to the named port of destination.

NAMED PORT: PORT OF DESTINATION

Nhóm F + loading port

Nhóm D, C + discharging port/ place of destination

IN CFR:

loading cost belongs to the seller

seller charter the vessel, buyer unloads the cargo --> FO (với seller)

The buyer should contract (not must) for insurance (depends on carrier, on season, region,...)

CFR: những bản cũ Incoterms ghi là CNF, C+F,.. --> not recommend, nếu ghi thì phải ghi đúng version Incoterms đó

In FOB seller loads the cargo, buyer charters the vessel --> FI (với buyer)

Why FOB, CFR, CIF không phù hợp cho hàng hóa container? do seller phải chịu trách nhiệm cho ngay cả những lúc họ không trực tiếp incharge cho việc đó

--> should use CPT instead

IN CIF:

Y chang CFR, chỉ có thêm Insurance (mua từ port - port) trách nhiệm của người bán. Người bán mua bảo hiểm cho buyer hưởng lợi.

CIF seller chỉ obtain insurance only on **minimum cover** (port to port), nếu muốn **extend thì phải đàm phán và nói rõ trong hợp đồng rồi trả thêm tiền.**

Minimum cover: Bảo hiểm có 3 loại A B C. A là maximum cover, C là minimum --> CIF chỉ mua loại C (Institute Cargo Clause (C). Theo term C không nói tới các vấn đề như cướp biển, thiên tai,...)

Bảo hiểm trị giá 110% giá CIF.

Currency: L/C or contract

insurer: insurance company (cty bảo hiểm)

The insured --> seller or buyer

insurance (for business used. **may** happen in the future) vs assurance (for bảo hiểm nhân thọ. **Will** happen in the future)

subject matter insured: đối tượng bảo hiểm (human, property, liability)

IN CPT (CARRIAGE PAID TO)

Không chỉ dùng cho đường bộ, dùng cho đường thủy đối với hàng hóa container (y chang CPR nhưng **dùng cho vận tải đa phương thức**)

CPT + named place (place of destination) (not port)

Chuyển giao risk tại place of loading (khi giao hàng cho carrier)

IN CIP (CARRIAGE and INSURANCE PAID TO)

Insurance in CIP bản 2020 yêu cầu người bán mua bảo hiểm mức A (maximum)

Bảo hiểm trị giá 110% giá CIP.

Tại sao lại là 110 mà không phải 100? do +10% được xem như expected profit of the business

CIP là từ point of delivery to at least the named place of destination

Notes for C group:

Phạt hợp đồng vận tải rất nhẹ (chỉ khoảng 2,5 lần so với tiền cước). Phạt hợp đồng mua bán nặng hơn nhiều.

D GROUP

DAP - DELIVERED AT PLACE (bản 2010 mới có, trước đó là 3 terms DAF, DES (for sea transport), DDU)

D group an toàn hơn cho nhập khẩu, nhưng giá sẽ cao hơn (so với nhóm C hay nhóm F)

DAP: unload luôn ở đoạn on-carriage

DPU: không unload ở đoạn on-carriage, duty unpaid

DDP: ready for unloading at the named place of destination, duty paid

DAP and DDP do not include unloading

Nếu bên đất nước của buyer có vấn đề trong import (về thủ tục pháp lý, thủ tục hải quan) thì seller nên tránh DDP

Muốn mua hàng thì nên tránh term D do giá siêu cao (btw thì nó an toàn nhất)

Về đọc thử các term nó modification (bản 2020 so với 2010) thì modify chỗ nào?

E F C D group: key differences between Incoterms 2010 vs 2020

Main difference: E, D, F group transfer risk and cost at the same time, C group cost and risk transfer at different times. With C group, the seller will charter and pay for the vessel at the risk of the buyer. (D không hẳn là mang hàng vào tận nơi hơn nhóm C do còn tùy thuộc vào địa lý của từng quốc gia).

Key things: Cost and Risk

RULES FOR SEA AND INLAND WATERWAY TRANSPORT

FAS

Free Alongside Ship
(Insert named port of shipment)
Incoterms® 2020



Seller

Buyer



FOB

Free on Board
(Insert named port of shipment)
Incoterms® 2020



CFR

Cost and Freight
(Insert named port of destination)
Incoterms® 2020



CIF

Cost, Insurance and
Freight
(Insert named port of destination)
Incoterms® 2020



RULES FOR ANY MODE OR MODES OF TRANSPORT

EXW

Ex Works
(Insert named place of delivery)
Incoterms® 2020



Seller

Buyer



FCA

Free Carrier
(Insert named place of delivery)
Incoterms® 2020



A)

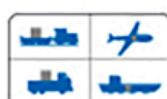


B)



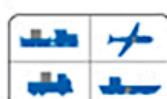
CPT

Carriage Paid To
(Insert named place of destination)
Incoterms® 2020



CIP

Carriage and Insurance
Paid To
(Insert named place of destination)
Incoterms® 2020



DAP

Delivered at Place
(Insert named place of destination)
Incoterms® 2020



DPU

Delivered at Place
Unloaded
(Insert named place of destination)
Incoterms® 2020



DDP

Delivered Duty Paid
(Insert named place of destination)
Incoterms® 2020



Bảo hiểm trong hợp đồng cần negotiate gì?

Nếu là seller: không quá care về term bảo hiểm do họ không phải người chịu trách nhiệm. Càng chi tiết càng mệt – general nhất có thể

Nếu là buyer: phải negotiate phạm vi bảo hiểm, giá trị bảo hiểm (percentage of CIF value. VD: 110% CIF value. How many percentage can be? → should be 110%, không nên hơn do nếu hơn thì sẽ có trường hợp lợi dụng bảo hiểm để trục lợi), (có bạn

nói là chỉ rõ tên công ty bảo hiểm → nếu dc thì tốt nma thường sẽ là 2 quốc gia khác nhau nên việc này sẽ khó → buy at reputable insurance company),

Từ những phân tích ở trên, chúng ta có thể hiểu rõ hơn bản chất của con số 10% trong công thức CIF + 10% là để phản ánh (toute bộ hoặc một phần) “các chi phí phát sinh trong chuyến đi và có liên quan đến chuyến đi”.

Nhưng tại sao lại là 10%? Có thể nhiều hơn hoặc kém hơn được không? Câu trả lời là hoàn toàn có thể được. Vì các “chi phí phát sinh trong chuyến đi và liên quan đến chuyến đi” không phải lúc nào cũng định lượng trước được một cách chính xác tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm nên giữa người bán và người mua bảo hiểm có thể thỏa thuận một con số x% nào đó. 10% chỉ là một con số hay được áp dụng, dần dần trở thành tập quán. Trong thực tế giữa người mua và người bán bảo hiểm có thể thỏa thuận một con số thấp hơn hoặc cao hơn 10% tùy thuộc vào từng hành trình cụ thể mà mức độ chi phí phát sinh có thể rất khác nhau. Không phải là không có trường hợp số tiền bảo hiểm thỏa thuận lên tới 170% giá CIF (CIF + 70%) thì mới đủ để bảo hiểm cho các chi phí phát sinh, nhất là khi các lô hàng đặc biệt nào đó bị áp thuế nhập khẩu cao tại cảng đến.

Như vậy, con số 10% hay 70%, gọi một cách tổng quát là x% trong công thức CIF + x% này nhằm phản ánh các “chi phí ước tính” hơn là “lãi ước tính”.

Thế thì cái gọi là “lãi ước tính” có thể bảo hiểm được không và nếu được thì bảo hiểm ở đâu?

Như trình bày ở trên, mục đích mà con số 10% hay x% trong công thức đã dẫn muôn nhầm đến là để bảo hiểm các chi phí chứ không phải lãi. Tuy nhiên, vì con số % này cũng chỉ là ước tính nên nếu nó cao hơn chi phí phát sinh trong thực tế thì bên bán bảo hiểm cũng chấp nhận chi trả cả số chi phí “thừa” đó khi có tổn thất và coi việc đó như là bảo hiểm phần nào cho “lãi ước tính”, cũng là một dạng thiệt hại của người được bảo hiểm. Nhưng cần phải hiểu con số x% này về bản chất là để bảo hiểm cho các chi phí như đã đề cập ở trên. Nếu đôi khi nó cũng bảo hiểm phần nào cho “lãi ước tính” của người được bảo hiểm thì đó cũng chỉ là một “hiệu ứng phụ” mà thôi.

Đến đây, có thể có bạn đọc cho rằng dù gọi x% này chi phí hay là lãi ước tính thì số tiền bảo hiểm cũng như nhau và do đó quyền lợi bảo hiểm của người tham gia bảo hiểm cũng không ảnh hưởng gì.

Provide with the Cert of Insurance:

- + Buyer mua bảo hiểm nhưng beneficiary sẽ là seller
- + Seller mua bảo hiểm nhưng beneficiary sẽ là buyer

Dù là bảo hiểm condition A hay C thì đều không thể cover tất cả các trường hợp risk → nên agree whether the buyer and seller can buy other types of side risk. (VD: war, fire,... → seller buy at the buyer cost (buyer is the beneficiary) do Incoterms chỉ định mua bảo hiểm type A hoặc C)

Incoterms không quy định ai là beneficiary → phải chỉ rõ trong hợp đồng.

Tình huống: Tranh chấp về thời gian tàu đến cảng theo FOB

- Công ty VN bán gạo FOB cảng Quy Nhơn cho Công ty Đài Loan
- Ba ngày trước ngày giao hàng, người mua thông báo tàu và đề nghị người bán tập kết hàng ra cảng.
- Tàu gặp sự cố, hãng tàu không có tàu thay thế. Người mua đề nghị tìm tàu khác, người bán không đồng ý.
- Đến ngày giao hàng, người bán vận chuyển và gửi hàng vào kho cảng Quy Nhơn.
- Người bán thông báo cho người mua về việc tàu không đến nhận hàng và hàng đã trong kho cảng.
- Người bán đề nghị người mua thanh toán tiền hàng vì mình đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng.
- Người mua đề nghị được trả tiền phạt nhưng người bán không chấp nhận.
- Người bán kiện người mua ra Tòa.

www.themegallery.com

Nếu thỏa thuận người bán thuê tàu trong hợp đồng thì phải thỏa thuận thêm điều gì?

- Ở dòng thứ 3, người mua sai, người bán quá cứng nhắc. → Trong hợp đồng nên thỏa thuận thêm nếu con tàu chỉ định không đến thì có được thuê 1 con tàu tương đương (không làm thay đổi vị trí giao hàng,...) khác hay không?
- Dòng thứ 4 → mang hàng ra cảng nhưng để vào kho cảng (hết trách nhiệm, giống hệt đã giao lên tàu???? (theo tập quán của quốc gia thì giao tại kho cảng))
- Phí DEM, DET do người mua chịu
- Người bán đi kiện là không sai.
- Nếu người bán giao vào kho cảng Quy Nhơn thì phải thể hiện được **cá biệt hóa hàng hóa** (để chỉ rõ đó là hàng giao cho người mua chứ không phải là một khách hàng nào khác của người bán). Làm sao để cá biệt hóa hàng hóa? →

Mang hàng vào kho cảng, những thùng hàng dán nhãn rõ Đây là hàng của người mua này → Buyer phải chịu trách nhiệm.

INTERNATIONAL SALE OF GOODS CONTRACT

I. Fundamental of int'l sale of goods contract

Int'l sale of goods contract = sale of goods contract + “internationality”

II. International character

1.2.1 Parties

Party in int'l sale of goods contract phải có trụ sở nằm ở các quốc gia khác nhau.

→ Nếu có nhiều cơ sở ở các quốc gia khác nhau thì sao?

What if a party has more than one place of business?

Ex: A buyer in Austria (a CISG State) purchased goods from the Swiss branch of a company with headquarters in Liechtenstein (notably: a non-CISG Contracting State) (CLOUT case 261)

Không nhất thiết cả 4 characters phải đảm bảo.

Luật Doanh nghiệp Việt Nam: 1 người không được phép establish 2 private company in VN

Vậy khi 1 người lập cty tư nhân ở cả VN và Mỹ thì có xuất hàng được từ VN sang Mỹ không?

→ Kì lạ do một người không thể tự ký hợp đồng với chính mình → thuê đại diện

1.2.2. Object: trước đây là vượt qua biên giới quốc gia (country border), nhưng hiện nay thì chỉ cần vượt qua custom border (VD có những industrial zone, processing zone)

1.2.3 Payment currency

Can be foreign to at least one party to the contract.

1.2.4 Governing law and dispute settlement body

Khi chọn cơ quan giải quyết tranh chấp thì khuyên không chọn Mỹ (do xa, đi lại bất tiện) mà nên chọn Sing → Governing law chọn luật quốc tế hoặc luật Sing luôn.

Không nhất thiết cả 4 characters phải đảm bảo. Chỉ cần căn vào 1 yếu tố là đủ

II. Requirements for a valid contract

1. Parties to the contract

- VN: Decree No. 69/2018/NĐ-CP
- Competence to enter into a contract:
 - + Legal representative
 - + Authorized representative
- Exceed the sphere of authorization?
- The legal representative knows but shows no objection within a reasonable period?

See more:

- Art 142-143 Civil Code 2015
- Resolution No. 04/2003 of the Judges Council of the Supreme People's court

Nhớ check ký legit của người ký.

Article 674 CIVIL CODE

1. The capacity for civil acts of individuals shall be determined in accordance with the law of the country of which such person holds nationality, except in the case provided in clause 2 of this article.
2. Where a foreign individual establishes or performs civil transactions in Vietnam, the capacity for civil acts of such foreign individual shall be determined in accordance with the law of Vietnam.
3. The determination of whether an individual has lost capacity for civil acts, has difficulties in being aware of, or controlling his or her own acts or has restricted capacity for civil acts in Vietnam must comply with the law of Vietnam.

Article 19 Capacity for civil acts of individuals

The capacity for civil acts of an individual shall be the capability of the individual to establish and exercise civil rights and perform civil obligations through his or her acts.

Article 20 Adults

1. Adults are persons who are eighteen (18) or more years of age
2. An adult shall have full capacity for civil acts except in the circumstances provided in articles 22, 23 and 24 of this Code.

thoi đọc slide đi cap quài mèch quá

2. Forms of the contract

- **Written form or equivalent:** Viet Nam (Art 27.2, Law on Commerce), China, Argentina, Chile, Belarus, Hungary, Ucraina...
- **The US:** (Art 2.201, UCC): a contract for the sale of goods for the price of \$500 or more shall be made in writing
- **CISG 1980:** Art 11 & Art 96

3. Content of the contract

A. Are there any clauses mandatory in the contract?
parties, price, quantity, payment, quality,...

B. The content must not be contrary to the laws
vd hàng hóa không phải hàng cấm, các term khác về giá như không được giảm quá nhiều, không được phạt hợp đồng quá 5%??? chặng hạn,...

A. Mandatory clauses in the contract

-
- **Viet Nam:** Art 398 – Civil Code
 - **CISG 1980:** Art 19.3

4. Objects of the contract

- Goods banned from export and import (VD: vũ khí, vàng,...)
 - Goods imported and exported under conditions (VD: seafood, textiles,...)
 - Goods freely imported and exported (VD: oil,...)
- (See more: Appendix 1-3 – Decree 69/2018/NĐ-CP)

OFFER AND ACCEPTANCE

Form:

Offer + Acceptance = Contract

Offer signed by both the seller and buyer = Contract

1. OFFER

+ CISG 1980: Art.14 □ Art.24

+ Civil Code 2015: Art.386 □ Art. 397

1

Criteria for an offer

- Việt Nam: Art 386 Civil Code
- CISG 1980: Art 14

CRITERIA FOR AN OFFER

Art 386.1 Vietnam Civil Code

Offer to enter into a contract means a clear expression by the offeror of its **intention to enter into a contract and to be bound** by such offer made to **another determined party or to the public** (hereinafter collectively referred to as the offeree).

Art 14.1 CISG

A proposal for concluding a contract **addressed to one or more specific persons** constitutes an offer if it is sufficiently definite and indicates the **intention of the offeror to be bound** in case of acceptance. A proposal is **sufficiently definite** if it **indicates the goods** and expressly or implicitly fixes or makes provision for determining the **quantity and the price**.

CISG cụ thể hơn, nói rõ về goods, quantity và price.

REMARKS

- **Inquiries**
- **Mass distribution of a catalogue of merchandise**
- **Brochures**
- **Advertisement**

?] INVITATION TO TREAT?

Inquiries: thư hỏi hàng

ART 14 VS ART 55 – OPEN PRICE CONTRACT

‘Where a contract has been **validly concluded** but **does not expressly or implicitly fix or make provision for determining the price**, the parties are considered, in the absence of any indication to the contrary, to have impliedly made reference to the price generally charged at the time of the conclusion of the contract for such goods sold under comparable circumstances in the trade concerned.’

Hợp đồng ký theo term thường là open price, đưa ra các điều kiện để định giá.
Chỉ có hợp đồng spot (hợp đồng giao ngay) mới để fixed price. → Khi trình bày midterm nhớ chọn open price đừng chọn fixed, nhớ present luôn.

2. ACCEPTANCE

+ CISG 1980: Art.14 □ Art.24

+ Civil Code 2015: Art.386 □ Art.397

2. ACCEPTANCE

- 1. the offeree shall accept the entire content of the offer**
- 2. the acceptance must be received within the time limitation set forth in the offer**
- 3. the acceptance shall not be withdrawn**

1. Nếu chỉ partial accept thì sẽ gửi lại 1 counter-offer.

- Civil Code 2015: Art 392, 393**
- CISG 1980: Art.19.2; Art.19.3**

2. Time limitation: căn cứ vào date người ta nhận, không phải căn cứ vào thời điểm gửi

3.

The acceptance shall not be withdrawn

- VN: Art 397 Civil Code**
- CISG: Art 22**

Đối với vận tải:

- Nếu thuê liner thì ngay thời điểm shipper nhận được Acknowledgement of booking (confirmation) → B/L như là evidence of contract chứ 2 bên không ký hợp đồng với nhau
- Nếu thuê tramp (voyage, time) thì phải có hợp đồng rõ ràng, có đủ các terms.

BTVN: Nộp bài viết tay Incoterms 2020 (obligations of Seller and Buyer)